

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2023

*V/v xin ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2023/TLST – HNGĐ ngày 28/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: khu phố H, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; tạm trú: đường số 03, khu phố N, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Long Q, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: khu phố H, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh T trình bày:* Bà T và ông Nguyễn Long Q tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) L, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2009 ngày 23 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình sống hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bà T và ông Q không tìm được

tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, sống không hạnh phúc. Ngoài ra, ông Q còn thường xuyên đánh bà T. Trong khoảng thời gian chung sống, ông Q sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình và nuôi dạy con cái. Bà T và ông Q đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Long Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hiện bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân (bản photo chứng thực); chứng minh nhân dân (bản photo chứng thực); danh sách đăng ký tạm trú (bản sao chứng thực); giấy khai sinh (bản sao chứng thực); trích lục kết hôn (bản sao); quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 136/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 (bản chính); trích lục quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 136/2022/TLQĐ-HNGĐ ngày 17/8/2022 (bản chính); đơn yêu cầu không hòa giải tại Tòa án; sổ hộ khẩu (bản photo);*

\* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Long Q:* Ông Q đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Q không đến Tòa làm việc. Qua xác minh, thể hiện ông Q vẫn còn hộ khẩu thường trú tại khu phố H, phường L, thành phố Thuận An nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, hiện tại địa phương cũng không biết ông Q sinh sống tại đâu. Do đó, việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành thông báo cho đương sự (ông Q) trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Tuy nhiên, ông Q cũng không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T giao cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Long Q đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) L, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2009, cấp ngày 23/02/2009 là đúng quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên đơn bà T khai sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình sống hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bà T và ông Q không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, sống không hạnh phúc. Trong khoảng thời gian chung sống, ông Q sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình và nuôi dạy con cái, thường xuyên kiếm chuyện và đánh bà T. Bà T và ông Q đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì vợ chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Q về nội dung yêu cầu của bà T, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng ông Q vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, chứng tỏ ông Q không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã đến mức trầm trọng, vợ chồng bà T và ông Q đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được; năm 2022 bà T đã nộp đơn xin ly hôn nhưng rút đơn để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Do vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T khai có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã thông báo cho ông Q về yêu cầu của bà T đối với việc nuôi con chung nhưng ông Q không có bất kỳ ý kiến và yêu cầu nào. Quá trình tố tụng, qua ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Thanh T thể hiện cháu có nguyện vọng sống với bà T. Xét về quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

- Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: 2.632.000đ (hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) bà T chịu và được trừ vào số tiền đã nộp.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 147, 180, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Long Q về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Long Q.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 49/2009, cấp ngày 23/02/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) L, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lâm Thị Thanh T và ông Nguyễn Long Q không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Hiện bà T không yêu cầu ông Quang cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. - Về chi phí tố tụng: 2.632.000đ (hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) bà T chịu và được trừ vào số tiền đã nộp

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004178 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hoa Hạnh**

